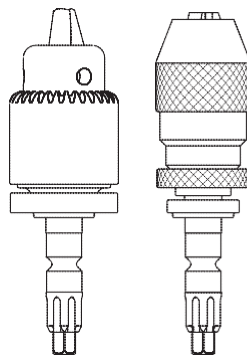


stryker®

Hệ thống 6 Phụ kiện tay khoan xoay

REF

R_x ONLY



Mục lục

Giới thiệu	3
Chỉ định sử dụng	3
Chống chỉ định	3
Dụng cụ tương thích	3
An toàn người dùng/bệnh nhân	4
Phụ kiện	5
Đầu kẹp dây/mũi khoan	5
Tính năng	5
Mô tả	6
Định nghĩa	7
Hướng dẫn	7
Mâm cặp có chìa	8
Mô tả	8
Hướng dẫn	8
Mâm cặp không chìa	9
Mô tả	9
Hướng dẫn	9

Phụ kiện khoan và doa	10
Mô tả	10
Khoan nhỏ AO	10
Hudson	10
Trục Hudson/Modified	10
Trục Modified	10
Trục	10
Doa rộng AO	11
Khóa nhanh DHS/DCS	11
Hướng dẫn	11
Khắc phục sự cố	12
Hướng dẫn bảo dưỡng	13
Định nghĩa	13
Thông số kỹ thuật	13

Giới thiệu

Hướng dẫn sử dụng này là nguồn thông tin toàn diện nhất để sử dụng sản phẩm một cách an toàn và hiệu quả. Sách hướng dẫn này có thể được sử dụng bởi các giảng viên, bác sĩ, y tá, kỹ thuật viên phẫu thuật, và các kỹ thuật viên thiết bị y sinh. Giữ và tham khảo sách hướng dẫn này trong suốt thời gian sử dụng sản phẩm.

Các quy ước sau được sử dụng trong hướng dẫn này:

- **CẢNH BÁO** nhấn mạnh một vấn đề liên quan đến an toàn. **LUÔN** tuân theo thông tin này để ngăn ngừa tổn thương cho bệnh nhân và/hoặc nhân viên y tế
- **THẬN TRỌNG** nhấn mạnh vấn đề về độ tin cậy của sản phẩm. **LUÔN** tuân theo những thông tin này để tránh hư hỏng sản phẩm.
- **LƯU Ý** bổ sung hoặc làm rõ thông tin quy trình.

Nếu cần thêm thông tin hoặc đào tạo tại chức, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của Stryker hoặc gọi cho dịch vụ khách hàng của Stryker. Nếu ở bên ngoài Hoa Kỳ, hãy liên hệ với công ty con Stryker ở nơi gần nhất. Kích thước và trọng lượng là tương đối và có thể khác nhau giữa các dụng cụ.

Các thương hiệu không phải là tài sản của Tập đoàn Stryker là tài sản của chủ sở hữu tương ứng.

Chỉ định sử dụng

Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo tay khoan.

Chống chỉ định

Không áp dụng.

Dụng cụ tương thích

Các phụ kiện tay khoan xoay siêu công suất của Stryker được sử dụng với các dụng cụ tay khoan xoay siêu công suất của Stryker sau:

MÔ TẢ	SỐ THAM CHIẾU
Hệ thống 6 Tay khoan xoay cò bóp đơn	6203-000-000
Hệ thống 6 Tay khoan xoay cò bóp kép	6205-000-000
Hệ thống điện 6 Tay khoan xoay cò bóp đơn	6293-000-000
Hệ thống điện 6 Tay khoan xoay cò bóp kép	6295-000-000
Hệ thống 7 Tay khoan xoay cò bóp đơn	7203-000-000
Hệ thống 7 Tay khoan xoay cò bóp kép	7205-000-000

An toàn người dùng/bệnh nhân



CẢNH BÁO:

- Trước khi sử dụng bất kỳ thành phần của hệ thống hoặc bất kỳ thành phần nào tương thích với hệ thống này, đọc kỹ các hướng dẫn. Chú ý đặc biệt đến thông tin CẢNH BÁO. Làm quen với các bộ phận của hệ thống trước khi sử dụng.
- Chỉ những chuyên gia chăm sóc sức khỏe đã được đào tạo và có kinh nghiệm mới được sử dụng dụng cụ này.
- Chuyên gia chăm sóc sức khỏe thực hiện bất kỳ quy trình nào đều có trách nhiệm xác định sự phù hợp của dụng cụ này và kỹ thuật cụ thể được sử dụng cho từng bệnh nhân. Stryker, với tư cách là một nhà sản xuất, không khuyến khích đối với quy trình hoặc kỹ thuật phẫu thuật.
- Khi nhận được lần đầu và trước mỗi lần sử dụng, làm sạch và tiệt trùng dụng cụ theo hướng dẫn. Xem hướng dẫn bảo dưỡng kèm theo tay khoan để được hướng dẫn xử lý.
- Khi nhận được lần đầu và trước mỗi lần sử dụng, vận hành dụng cụ và kiểm tra từng thành phần hư hỏng. KHÔNG sử dụng bất kỳ thành phần nào nếu có hư hỏng.
- LUÔN đặt tay khoan ở chế độ SAFE trong khi tay khoan không hoạt động, trước khi lắp hoặc tháo phụ kiện hoặc khi đưa tay khoan cho người khác.
- KHÔNG cố lắp hoặc tháo các phụ kiện hoặc phụ kiện cắt ra trong khi tay khoan đang hoạt động.
- KHÔNG vận hành tay khoan ở chỗ chế độ khoan khi một phụ kiện doa được lắp vào tay khoan.
- Trước khi vận hành tay khoan, nhẹ nhàng kéo phụ kiện cắt để đảm bảo an toàn.
- LUÔN sử dụng dụng cụ với các giá trị điều kiện môi trường được chỉ định. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo tay khoan.
- LUÔN thực hiện theo chu kỳ làm việc được khuyến cáo để ngăn dụng cụ quá nóng. Xem hướng dẫn sử dụng kèm theo tay khoan.
- KHÔNG đặt tay vào hoặc chạm vào bất kỳ bộ phận quay nào trong khi tay khoan đang hoạt động.
- Xem phần phụ kiện chi tiết để có thêm thông tin CẢNH BÁO.

Phụ kiện



CẢNH BÁO:

- Chỉ sử dụng các bộ phận và phụ kiện của hệ thống được chứng nhận bởi Stryker trừ khi có quy định khác. **KHÔNG** thay đổi bất kỳ thành phần nào của hệ thống hoặc phụ kiện.

KHÔNG tái sử dụng, tái xử lý, hoặc đóng gói lại dụng cụ sử dụng một lần. Dụng cụ sử dụng một lần chỉ dùng một lần duy nhất. Dụng cụ sử dụng một lần không thể chịu được tái xử lý khử trùng bằng nhiệt độ cao, hơi hóa học hoặc hóa chất. Các tính năng thiết kế có thể làm cho việc lau chùi khó khăn. Tái sử dụng có thể gây nguy cơ truyền nhiễm nghiêm trọng và có thể ảnh hưởng đến tính toàn vẹn về cấu trúc của dụng cụ sử dụng một lần và dẫn đến lỗi hoạt động. Thông tin quan trọng về sản phẩm có thể bị mất nếu dụng cụ sử dụng một lần được đóng gói lại. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến nhiễm trùng hoặc lây nhiễm chéo và gây ra tổn thương cho bệnh nhân và/hoặc nhân viên y tế.

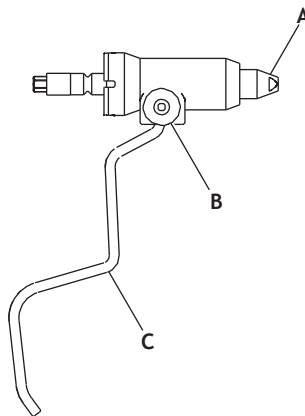
LƯU Ý: Để có danh sách phụ kiện đầy đủ, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của Stryker hoặc gọi cho dịch vụ khách hàng của Stryker. Nếu ở bên ngoài Hoa Kỳ, hãy liên hệ với công ty con Stryker nơi gần bạn nhất.

Những phụ kiện được phê duyệt bởi Stryker sau đây được bán riêng:

Mô tả	Số tham chiếu
Chìa vận mãm cặp thông thường	4100-131-132

Đầu kẹp dây/mũi khoan

Đặc điểm



A Mũi

B Nút điều chỉnh trước

C Đòn kẹp

LƯU Ý: Đầu kẹp dây/mũi khoan (REF 6203-036-000) được minh họa để tham khảo.

Mô tả



CẢNH BÁO: KHÔNG sử dụng đầu kẹp của tay khoan xoay cò bóp đơn cho tay khoan xoay cò bóp kép. Lắp một đầu kẹp cò bóp đơn vào một tay khoan xoay cò bóp kép tạo ra một điểm kẹt giữa đòn kẹp và cò bóp thuận chiều của tay khoan.

Các phụ kiện đầu kẹp dây và mũi khoan được sử dụng để lắp dây và mũi khoan. Chọn đầu kẹp phù hợp dựa trên loại tay khoan và đường kính dây hoặc mũi khoan.

Tất cả các đầu kẹp có núm điều chỉnh trước với cài đặt đường kính nhỏ (S) và lớn (L). Cài đặt núm điều chỉnh trước tới mức đường kính phù hợp.

MÃ THAM CHIẾU	KÍCH THƯỚC	LOẠI TAY KHOAN	ĐƯỜNG KÍNH DÂY/MŨI KHOAN (S)	ĐƯỜNG KÍNH DÂY/MŨI KHOAN (L)
6203-026-000	Chiều dài: 107,1 mm; Chiều cao: 162,8 mm; Đường kính: 27,6 mm; Trọng lượng: 222,3 g	Cò bóp đơn và kép	0,7 đến 1,27 mm [0,028 đến 0,050 inch]	1,3 đến 1,8 mm [0,051 đến 0,071 inch]
6203-036-000	Chiều dài: 107,2 mm; Chiều cao: 161,9 mm; Đường kính: 27,6 mm; Trọng lượng: 218,5 g	Cò bóp đơn	0,7 đến 1,27 mm [0,028 đến 0,050 inch]	1,3 đến 1,8 mm [0,051 đến 0,071 inch]
6203-126-000	Chiều dài: 107,1 mm; Chiều cao: 162,6 mm; Đường kính: 27,6 mm; Trọng lượng: 220,8 g	Cò bóp đơn và kép	2,0 đến 2,6 mm [0,079 đến 0,102 inch]	2,7 đến 3,2 mm [0,106 đến 0,126 inch]
6203-136-000	Chiều dài: 107,1 mm; Chiều cao: 164,1 mm; Đường kính: 27,5 mm; Trọng lượng: 218,8 g	Cò bóp đơn	2,0 đến 2,6 mm [0,079 đến 0,102 inch]	2,7 đến 3,2 mm [0,106 đến 0,126 inch]
6203-226-000	Chiều dài: 107,2 mm; Chiều cao: 161,8 mm; Đường kính: 27,5 mm; Trọng lượng: 220,5 g	Cò bóp đơn và kép	3,0 đến 3,6 mm [0,118 đến 0,142 inch]	3,7 đến 4,2 mm [0,146 đến 0,165 inch]
6203-236-000	Chiều dài: 107,1 mm; Chiều cao: 162,4 mm; Đường kính: 27,6 mm; Trọng lượng: 218,5 g	Cò bóp đơn	3,0 đến 3,6 mm [0,118 đến 0,142 inch]	3,7 đến 4,2 mm [0,146 đến 0,165 inch]

Định nghĩa

Các ký hiệu in trên dụng cụ và/hoặc trên nhãn được nêu trong phần này hoặc trong Sơ đồ định nghĩa ký hiệu. Xem Sơ đồ định nghĩa ký hiệu đi kèm với dụng cụ.

KÝ HIỆU	ĐỊNH NGHĨA
S	Đường kính nhỏ
L	Đường kính lớn
CÒ BÓP ĐƠN	Cò bóp đơn — Phụ kiện này chỉ sử dụng với tay khoan xoay cò bóp đơn.

Hướng dẫn

Lắp dây hoặc mũi khoan

1. Chỉ dùng cho đầu kẹp dây và mũi khoan có thể điều chỉnh: Đặt núm điều chỉnh trước cho mức đường kính phù hợp bằng cách kéo và xoay núm cho đến khi các ký hiệu khớp với mức đường kính mong muốn: L với L và S với S. Đảm bảo núm thật lại và khóa đúng vị trí khi các ký hiệu thẳng nhau.

2. Cho dây hoặc mũi khoan vào mũi của đầu kẹp hoặc vào nắp sau của tay khoan đến khi chiều dài kéo từ mũi đến mức độ mong muốn. Đảm bảo rằng dây hoặc mũi khoan được lắp đủ xa đầu kẹp giữ dây hoặc mũi khoan trước khi siết đòn kẹp của đầu kẹp.
3. Đặt tay khoan ở chế độ DRILL.
4. Đặt công tắc điều khiển của tay khoan ở vị trí FORWARD.
5. Siết đòn kẹp của đầu kẹp để giữ dây hoặc mũi khoan.
6. Giữ dây hoặc mũi khoan vào xương và nhấn cò bóp của tay khoan để đẩy dây hoặc mũi khoan vào xương.
7. Để tăng thêm độ dài dây hoặc mũi khoan, (a) nhả đòn kẹp của đầu kẹp, (b) kéo tay khoan để tăng chiều dài dây hoặc mũi khoan, (c) siết đòn kẹp của của đầu kẹp, và (d) nhấn cò bóp của tay khoan.

Tháo dây hoặc mũi khoan

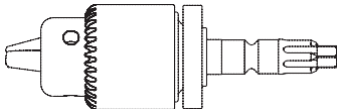
1. Đặt mũi của đầu kẹp qua đầu không cố định và đẩy đầu kẹp càng xa càng tốt dọc theo dây hoặc mũi khoan.
2. Siết đòn kẹp của đầu kẹp để giữ dây hoặc mũi khoan.
3. Kéo tay khoan và dây hoặc mũi khoan ra khỏi thân và nhấn cò bóp của tay khoan để rút dây hoặc mũi khoan ra khỏi thân.

LƯU Ý: Để tháo các mũi khoan ren, vặn ngược tay cầm lại, siết đòn kẹp của đầu kẹp và nhấn cò bóp của tay khoan.

Mâm cặp có chìa

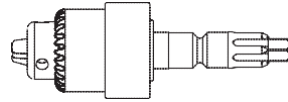
Mô tả

Phụ kiện mâm cặp có chìa giữ dây, mũi khoan và lưỡi khoan có đường kính lên đến 1/4 inch [6,4 mm]. Mỗi phụ kiện được cung cấp với một chìa vặn mâm cặp.



Mâm cặp có chìa 1/4 inch REF 6203-131-000

Chiều dài: 92,7 mm; Đường kính: 28,6 mm; Trọng lượng: 143,6 g



Mâm cặp có chìa 5/32 inch REF 6203-132-000

Chiều dài: 76,5 mm; Đường kính: 25,0 mm; Trọng lượng: 75,0 g

Hướng dẫn

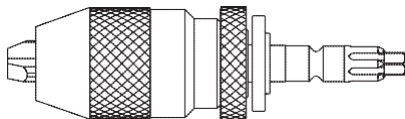
Lắp dụng cụ vào mâm cặp có chìa

1. Sử dụng chìa vặn mâm cặp để mở các chấu.
2. Lắp dụng cụ vào giữa các chấu.
3. Sử dụng chìa vặn mâm cặp để đóng các chấu.
4. Kéo phụ kiện để đảm bảo an toàn trước khi sử dụng tay khoan.

Mâm cặp không chìa

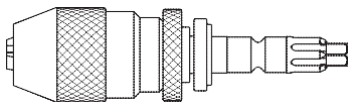
Mô tả

Phụ kiện mâm cặp không chìa giữ dây, mũi khoan và lưỡi khoan có đường kính lên đến 1/4 inch [6,4 mm].



Mâm cặp không chìa 1/4 REF 6203-133-000

Chiều dài: 105,4 mm; Đường kính: 30,0 mm; Trọng lượng: 227,4 g



Mâm cặp không chìa 1/8 inch REF 6203-134-000

Chiều dài: 91,2 mm; Đường kính: 23,9 mm; Trọng lượng: 122,7 g

Hướng dẫn

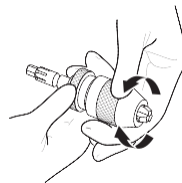
Lắp dụng cụ vào mâm cặp không chìa



CẢNH BÁO: LUÔN đóng các chấu mâm cặp bằng tay để bảo vệ dụng cụ. **KHÔNG** vận hành tay khoan để tự động đóng các chấu trên dụng cụ.

THẬN TRỌNG: **KHÔNG** vận hành tay khoan ở chế độ REAM nếu sử dụng mâm cặp không chìa. Việc không tuân thủ có thể dẫn đến hư hỏng sản phẩm.

1. Mở các chấu bằng cách giữ phụ kiện ở vòng đệm bằng một tay và xoay đai bằng tay kia.



Lắp/tháo dụng cụ bằng tay

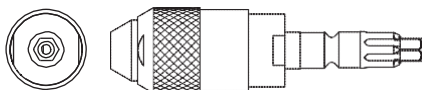
2. Lắp dụng cụ vào giữa các chấu.
3. Đóng các chấu bằng cách giữ phụ kiện ở đai siết và xoay vòng đệm bằng tay cho đến khi chặt.
4. Kéo dụng cụ để đảm bảo an toàn trước khi sử dụng tay khoan.
5. Kiểm tra trực quan phụ kiện cắt và đảm bảo nó ở chính giữa các chấu.

Phụ kiện khoan và doa

Mô tả

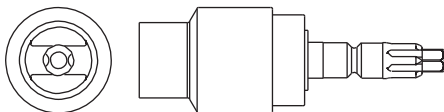
Khoan nhỏ AO

Khoan nhỏ AO (REF 6203-110-000) chấp nhận các dụng cụ của Synthes như mũi khoan, mũi khoan lỗ ren và tước nơ vít tự động với chốt tự động phù hợp. Chiều dài: 81,8 mm; Đường kính: 22,3 mm; Trọng lượng: 105,5 g



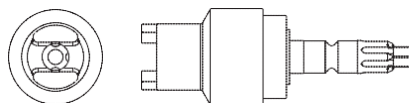
Hudson

Phụ kiện Hudson (REF 6203-113-000) chấp nhận các dụng cụ như doa, mũi khoan, mũi khoan lỗ ren và tước nơ vít tự động với khớp nối Hudson. Chiều dài: 80,8 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 131,3 g



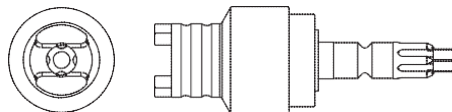
Phụ kiện trực Hudson/Modified

Phụ kiện trực Hudson/Modified (REF 6203- 135-000) chấp nhận các dụng cụ như doa, mũi khoan và tước nơ vít tự động với khớp nối Hudson hoặc Modified. Chiều dài: 79,0 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 117,6 g



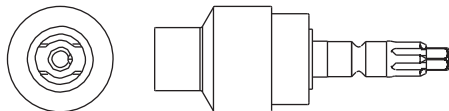
Phụ kiện trực Modified

Phụ kiện trực Modified (REF 6203-150-000) chấp nhận các dụng cụ như mũi khoan, tước nơ vít tự động, và doa với khớp nối trực modified. Chiều dài: 79,2 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 115,8 g



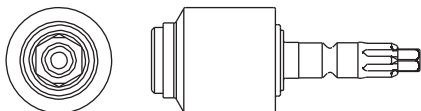
Phụ kiện trực

Phụ kiện trực REF (6203-160-000) chấp nhận các dụng cụ như mũi khoan, tước nơ vít tự động, và doa với khớp nối trực tiêu chuẩn. Chiều dài: 77,7 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 119,3 g



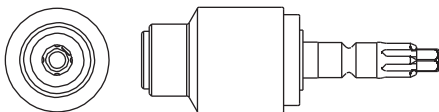
Doa rộng AO

Doa rộng AO (REF 6203-210-000) chấp nhận các công cụ của Synthes như mũi khoan, tuốc nơ vít tự động, và doa không cố định với chốt tự động phù hợp. Chiều dài: 70,8 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 107,7 g



Khóa nhanh DHS/DCS

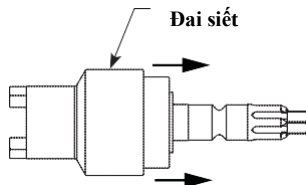
Khóa nhanh DHS/DCS (REF 6203-215-000) chấp nhận các doa ba rãnh của Synthes DHS/DCS, mũi khoan rộng rộng ren mau, và trục tuốc nơ vít. Chiều dài: 78,8 mm; Đường kính: 27,9 mm; Trọng lượng: 132,6 g



Hướng dẫn

Lắp dụng cụ vào phụ kiện

1. Trượt lùi đai siết vào phụ kiện; điều này không bắt buộc đối với doa rộng AO.



Lắp dụng cụ vào phụ kiện

2. Lắp dụng cụ (mũi khoan, tuốc nơ vít, doa) vào phụ kiện.
3. Tháo đai siết; điều này không bắt buộc đối với doa rộng AO.
4. Lắp dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi vận hành tay khoan.

Tháo dụng cụ khỏi phụ kiện

1. Trượt lùi đai siết trên phụ kiện.
2. Tháo dụng cụ ra khỏi phụ kiện.
3. Tháo đai siết.

Khắc phục sự cố



CẢNH BÁO: KHÔNG tháo rời hoặc sửa chữa dụng cụ này.

LƯU Ý: Để bảo dưỡng, vui lòng liên hệ với đại diện bán hàng của Stryker hoặc gọi cho dịch vụ khách hàng của Stryker. Nếu ở bên ngoài Hoa Kỳ, liên hệ với công ty con của Stryker gần nhất.

VẤN ĐỀ	NGUYÊN NHÂN	GIẢI PHÁP
Phụ kiện không tương thích với tay khoan.	Các mảnh vụn nằm trong phụ kiện hoặc bên trong đầu trước của tay khoan.	Làm sạch phụ kiện và/hoặc tay khoan bằng một bàn chải nhỏ với lông cứng, phi kim.
	Phụ kiện bị hỏng.	Thay phụ kiện lại để sửa chữa.
	Tay khoan bị hỏng.	Thay tay khoan lại để sửa chữa.
Phụ kiện và/hoặc phụ kiện cắt bị lung lay trong tay khoan.	Phụ kiện cắt hoặc dây/mũi khoan bị uốn cong, kéo dài quá xa đầu viền tâm của phụ kiện, kích thước sai, không đúng trung tâm phụ kiện.	Lắp lại các phụ kiện cắt, dây và mũi khoan. Nếu vẫn lung lay, thay lại tay khoan và phụ kiện để sửa chữa.
	Mũi doa được lắp và tay khoan ở chế độ DRILL.	LUÔN sử dụng doa ở chế độ REAM.
Phụ kiện cắt rơi ra khỏi phụ kiện.	Phụ kiện cắt không được lắp đúng cách.	Xem hướng dẫn lắp đặt lại phụ kiện cắt.
Phụ kiện cắt không chuyển động khi cắm điện cho tay khoan.	Điều khiển F/R/Safe ở vị trí an toàn.	TRƯỢT điều khiển F/R/Safe về trước hoặc ngược lại
	Núm điều chỉnh tay khoan đặt ở giữa tùy chọn DRILL và REAM.	Đặt núm điều chỉnh tay khoan vào vị trí DRILL hoặc REAM.
	Áp lực quá lớn áp dụng cho phụ kiện cắt.	Giảm áp lực để tay khoan và phụ kiện cắt thực hiện cắt.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Để có hướng dẫn xử lý và thông tin thải bỏ/tái chế, xem hướng dẫn bảo dưỡng kèm theo tay khoan.

Định nghĩa

Các ký hiệu in trên dụng cụ và/hoặc trên nhãn được nêu trong phần này hoặc trong Sơ đồ định nghĩa ký hiệu. Xem Sơ đồ định nghĩa ký hiệu đi kèm với dụng cụ.

KÝ HIỆU



ĐỊNH NGHĨA

Dấu hiệu cảnh báo chung

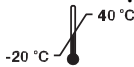
Thông số kỹ thuật

Phản ứng dụng: Khi sử dụng với tay khoan, các phụ kiện được mô tả trong hướng dẫn này là các bộ phận được sử dụng. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem hướng dẫn sử dụng kèm theo tay khoan.

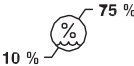
Điều kiện môi trường:

Giới hạn nhiệt độ

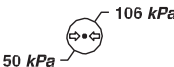
Lưu trữ và Vận chuyển



Giới hạn độ ẩm:



Giới hạn áp suất
khí quyển:



:

ES/DE/FR/IT/NL	6203-001-712
JA/ZH/KO	6203-001-722
SV/DA/FI/PT/NO	6203-001-732
PL/EL	6203-001-753



